TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2024/HS-PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 17 tháng 5 năm 2024 và ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 982/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo: **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh ngày 12/11/1967 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký Nhân khẩu thường trú: Thôn 5, xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Tạm trú: Thôn Ninh Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ấn (chết) và bà Trần Thị Ngọc (chết); Có chồng tên Doãn Văn Tuynh (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Hoàng Thế Nhiên, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phúc An thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng – Có mặt;

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1988 - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Bông Krang, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Anh Tuấn: Luật sư Nguyễn Đình Hải, Công ty Luật Hải Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai - Có mặt;

- Bà Chu Thị Ánh N, sinh năm 1988 - Có mặt;

- Ông Trịnh Văn N[1], sinh năm 1985 -Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Phổ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

- Ông Hồ Tấn A, sinh năm 1970 - Có mặt;

- Bà Hà Thị L, sinh năm 1964 - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 36 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L: Ông Nguyễn Văn T[4], sinh năm 1992; Địa chỉ: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đại Nghĩa, số 11A Trần Lê, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L: Luật sư Nguyễn Văn Hoằng, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đại Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng - Có mặt;

Người làm chứng:

- Ông Mai T[1], sinh năm 1963, Cán bộ Thanh tra Pháp chế Đội kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 01 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng - Có mặt;

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1972 - Có mặt;

Địa chỉ: 13/14/ Phú Thạnh, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;

- Cụ Hoàng Thị D, sinh năm 1968 - Có mặt;

- Cụ Chu Thanh V[1], sinh năm 1965 - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đông Anh 2, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Ông Ngô Văn N[2], sinh năm 1975 - Vắng mặt;

- Bà Bùi Thị Khánh L[1], sinh năm 1980 - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Nam Hưng, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Ông Đoàn Ngọc Q, sinh năm 1985 - Vắng mặt;

Địa chỉ: 14 Tân Hiệp, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Bà Vũ Thụy Hồng V[2] - Có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Hẻm 54 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

- Ông Ngô Đình Đ[1], sinh năm 1982 - Vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 137 Quang Trung, Tổ 4, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Ngô Văn T[2], Văn phòng công chứng Ngô Văn Thao - Có văn bản xin vắng mặt;

Địa chỉ: 651 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Ông Nguyễn Mậu A[1], Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A[1] - Vắng mặt;

Địa chỉ: 19 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;

- Bà Lê Hà Hòa H, sinh năm 1990 - Vắng mặt;

Địa chỉ: 8/1 Lê Hồng Phong, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

- Ông Lê Phước Trọng V[2], sinh năm 1984 - Vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Kim T[3], sinh năm 1987 - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4 năm 2017, ông Nguyễn Anh T và vợ chồng ông Trịnh Văn N[1], bà Chu Thị Ánh N hùn tiền để mua của vợ chồng ông Ngô Văn N[2], bà Bùi Thị Khánh L một xe ô tô tải, biển số 49C-115.50 với giá 1.885.000.000 đồng; Để mua xe, ông T thỏa thuận với vợ chồng ông N[1], bà N góp 385.000.000 đồng, còn ông T sẽ vay của bà Phạm Thị Đ để góp 1.500.000.000 đồng; Sau khi mua xe làm thủ tục sang tên xong thì sẽ thế chấp xe để vay Ngân hàng số tiền 1.200.000.000 đồng trả lại cho bà Đ, còn lại 300.000.000 đồng thì ông T sẽ trả dần cho bà Đ.

Ông T, ông N[1], bà N thống nhất nhờ mẹ của bà N là cụ Hoàng Thị D đứng hộ tên xe để cụ D vay tiền Ngân hàng, nhưng cụ D không vay được tiền.

Bà Đ nói có người quen là Nguyễn Thị Thanh V có thể vay được tiền, nên ông T, ông N[1], bà N thống nhất nhờ Nguyễn Thị Thanh V đứng tên Giấy chứng nhận chủ xe 49C-115.50 để V thế chấp xe cho Ngân hàng vay tiền giùm cho T, N[1], N để trả khoản vay 1.200.000.000 đồng cho bà Đ. Do đó, bà N yêu cầu cha mẹ của bà N là cụ Hoàng Thị D, cụ Chu Thanh V[1] ký Hợp đồng chuyển nhượng xe 49C-115.50 cho Nguyễn Thị Thanh V được Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A[1] công chứng ngày 12/6/2017, nhằm mục đích nhờ V đứng tên vay tiền Ngân hàng giùm cho T để T trả nợ cho bà Đ. Ngày 13/6/2017, Nguyễn Thị Thanh V được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 49C-115.50, nhưng ông T là người giữ toàn bộ giấy tờ xe và trực tiếp quản lý, sử dụng xe để khai thác kinh doanh.

Theo yêu cầu của bà Đ và ông T, vào ngày 08/8/2017 V thế chấp xe ô tô 49C-115.50 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng MB) và vay được 700.000.000 đồng theo phương thức trả dần gốc và lãi phát sinh hàng tháng, thời hạn 60 tháng. V giao cho bà Đ toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng đã vay của Ngân hàng và bà Đ xác nhận vào Giấy mượn tiền giữa ông T với bà Đ, có nội dung: *"Ngày 08/8/2017 T đã trả 700.000.000 đồng nhận trực tiếp từ bà V tiền thế chấp xe vay Ngân hàng"*. Từ ngày 08/8/2017 đến tháng 4/2019, ông T cùng vợ là bà Vũ Thị H[1] và bà Đ đã trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng bằng cách nộp vào tài khoản số 7470101021008 (tài khoản trả nợ) mang tên Nguyễn Thị Thanh V mở tại Ngân hàng MB hoặc đưa tiền mặt cho V trả nợ Ngân hàng, với tổng số tiền đã trả là 347.032.000 đồng, trong đó nợ gốc là 233.340.000 đồng.

Ngày 23/3/2019, ông T điều khiển xe 49C-115.50 chở cây le từ Gia Lai về đến huyện Lâm Hà thì bị Kiểm lâm lập Biên bản tạm giữ xe do chở lâm sản trái pháp luật. Ngày 29/3/2019, ông Mai T[1] là cán bộ kiểm lâm mời Vân (là người đứng tên chủ phương tiện) và ông T đến làm việc thì ông T có ghi âm nội dung buổi làm việc. Ngày 05/4/2019, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 01 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng ra quyết định trả xe cho chủ phương tiện là Nguyễn Thị Thanh V, nhưng do ông T vẫn giữ chìa khóa xe nên vào ngày 09/4/2019, V thuê người đến Chi cục kiểm lâm mở khóa và đem xe đi. Sau đó, V bán xe cho bà Hà Thị L với số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngày 22/4/2019, V cùng bà L đến Ngân hàng MB nộp vào tài khoản số 7470101021008 số tiền 470.890.000 đồng, trong đó có 466.660.000 đồng tiền nợ gốc, xóa thế chấp và rút Giấy chứng nhận đăng ký xe ra. Đến ngày 23/4/2019, V và bà L ký Hợp đồng mua bán xe 49C-115.50, được công chứng và bà L đã thanh toán cho V nhận số tiền còn lại xong.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thanh V trình bày xe ô tô biển số 49C-115.50 là tài sản của bị cáo đã mua của cụ Hoàng Thị D; đồng thời vào ngày 12/6/2017, bị cáo có vay của bà Phạm Thị Đ 1.000.000.000 đồng để mua xe và cho ông Nguyễn Anh T thuê xe giá 30.000.000 đồng/tháng, nhưng bà

Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Anh T đều không thừa nhận lời khai này của bị cáo.

Ngày 25/4/2019, bà Hà Thị L đã bán chiếc xe tải biển số 49C-115.50 cho bà Nguyễn Kim T[3]; bà T[3] ủy quyền lại cho chị Lê Hà Hòa H; Ngày 21/4/2022, chị H ký hợp đồng bán xe cho ông Ngô Đình Đ[1]; Ngày 04/5/2022, vợ chồng ông Đ[1], bà Nguyễn Thị S ký hợp đồng bán xe lại cho ông Hồ Tấn A. Ngày 05/5/2022, ông A đã đăng ký chuyển sang biển số mới là 49H-018.33, rồi sau đó bán xe lại cho ông Lê Tấn B, bà Phạm Thị Y và ông Bùi Như C, nhưng do bên mua chưa trả đủ tiền nên hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê tài sản.

Hiện chiếc xe biển số 49C-115.50 đã được đổi sang biển số mới là 49H-018.33 mang tên chủ phương tiện là Lê Tấn B và đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an tỉnh Lâm Đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do ông Nguyễn Anh T và bà Phạm Thị Đ cung cấp, gồm: 01 USB chứa File ghi âm; Giấy xác nhận ngày 16/6/2017 của cụ Hoàng Thị D; Giấy mua bán ngày 31/5/2017 giữa ông Nguyễn Văn T, ông Ngô Văn N[2], bà Bùi Thị Khánh L, người làm chứng Đoàn Ngọc Q; Hợp đồng mua bán xe tải 49C-115.50 lập ngày 12/6/2017 giữa cụ Chu Thanh V[1], Hoàng Thị D với Nguyễn Thị Thanh V; Hợp đồng thế chấp xe ngày 08/8/2017 giữa Nguyễn Thị Thanh V với Ngân hàng MB; Hợp đồng bảo hiểm xe; Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm bắt buộc, hồ sơ chứng nhận và đăng ký kinh doanh vận tải hàng hóa; Giấy nộp tiền của người nộp tiền là Nguyễn Anh T cho Ngân hàng MB; Bản kê chi tiết nộp tiền mặt và chuyển tiền xe 49C-115.50 do Phạm Thị Đ ký; Giấy đặt cọc mua bán xe ngày 24/5/2017 giữa Chu Ánh N với Ngô Văn N[2]; Giấy mượn tiền ngày 31/5/2017 giữa Nguyễn Anh T với Phạm Thị Đ, có nội dung: *"Ngày 08/8/2017 T đã trả 700.000.000 đồng nhận trực tiếp từ bà V tiền thế chấp xe vay Ngân hàng"*; Giấy mượn tiền ngày 08/8/2017 của Nguyễn Anh T; 01 tài liệu chụp ảnh màn hình điện thoại; 01 giấy bàn giao xe ngày 05/5/2018 giữa Nguyễn Anh T với Phạm Thị Đ.

Thu giữ giấy chứng minh nhân dân và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 của Nguyễn Thị Thanh V.

Kết luận giám định số 5411/C09B ngày 21/01/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *"Tiếng nói của người phụ nữ (Ký hiệu "**V**" trong "Bản dịch nội dung") trong file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Nguyễn Thị Thanh V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra"*.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 1647/KL-HĐĐGTS ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng xác định xe ô tô tải biển kiểm soát 49C-115.50 có giá trị còn lại là 1.281.250.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 18/VKS - LĐ ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh V về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh V phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh V 14 *(Mười bốn)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/11/2022.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các điều: 584, 586, 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh V có nghĩa vụ trả lại cho bà Hà Thị L, ông Nguyễn Tấn A số tiền 1.400.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Anh T, bà Chu Thị Ánh N, ông Trịnh Văn N[1] có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V số tiền 470.890.000 đồng, nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng để tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Giao cho ông Nguyễn Anh T, bà Chu Thị Ánh N và ông Trịnh Văn N[1] nhận lại chiếc xe tải biển số kiểm soát 49C-115.50 có số máy D6ACFJ289860, số khung KMFPA18CPGC089723, đã đổi biển kiểm soát mới 49H-018.33;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định dành cho các ông, bà: Lê Phước Trọng V[3], Nguyễn Thị Kim T[3], Ngô Đình Đ[1], Nguyễn Thị S, Lê Hà Hòa H, Hồ Tấn A, Hà Thị L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự đòi lại tài sản khi có yêu cầu; quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/10/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thanh V có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 31/10/2023, ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L có chung một đơn kháng cáo yêu cầu công nhận việc mua bán xe giữa ông bà với ông Ngô Đình Đ[1] là hợp pháp và công nhận chiếc xe biển kiểm soát 49H-018.33 (biển kiểm soát cũ là 49C-115.50) là thuộc quyền sở hữu của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V giữ nguyên kháng cáo yêu cầu minh oan cho bị cáo hoặc hủy Bản án sơ thẩm trả hồ sơ về điều tra lại, vì vụ án còn rất nhiều uẩn khúc chưa được làm rõ. Bị cáo không đứng tên xe giùm cho ông T, mà chiếc xe biển số 49C-115.50 là của bị cáo mua của Hoàng Thị D, đã trả đủ tiền mua xe xong vào chiều ngày hôm trước nhưng do hết giờ làm việc nên không công chứng được hợp đồng thì bị cáo có kêu bà D làm biên nhận đã nhận đủ tiền bán xe cho bị cáo, ngày hôm sau đến phòng công chứng thì Công chứng viên hỏi việc thanh toán như thế nào? thì bị cáo xuất trình biên nhận bà D đã nhận đủ tiền nên Công chứng viên ghi vào hợp đồng nội dung bị cáo đã trả đủ tiền cho bà D trước khi ký hợp đồng mua bán xe. Sau khi công chứng hợp đồng thì biên nhận này cũng hết giá trị nên bị cáo đã bỏ nay không còn; Để mua xe này, bị cáo đã vay của bà Đ 01 tỷ đồng, sau khi thế chấp Ngân hàng MB vay được 700 triệu đồng thì bị cáo đem trả cho bà Đ, còn lại 300 triệu đồng thì bị cáo cũng đã trả xong cho bà Đ; Việc bà Đ khấu trừ số tiền 700 triệu đồng này vào nợ của ông T là do bà Đ tự viết; Bị cáo nhận xe do Đội kiểm lâm trả thì có biên bản hợp lệ; Trước đó ông T tố cáo bị cáo sử dụng biển số xe giả, bị cáo có báo cho Công an giao thông bắt xe nhưng không hiểu vì sao xe không có giấy tờ mà Công an huyện E Súp không giữ xe mà lại trả xe cho ông T; Trong buổi nói chuyện ở kiểm lâm do ông Mai T[1] kêu bị cáo nói bị cáo đứng tên xe giùm thì sẽ giải quyết trả xe ngay, còn không nói như vậy thì ông Mai T[1] sẽ báo cáo cho Lãnh đạo của kiểm lâm thì sẽ rất phức tạp, nên bị cáo mới nói là đứng tên giùm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét về mặt pháp lý thì xe này là của bị cáo mua của cụ D và đã trả đủ tiền cho cụ D trước khi ký hợp đồng mua bán xe được công chứng; Các bị hại cho rằng bị cáo đứng tên xe giùm nhưng bị cáo không thừa nhận thì bị hại không có chứng cứ chứng minh; Cho dù trong file ghi âm bị cáo có nói đứng tên xe giùm nhưng không nói rõ là xe nào. Vì vậy, thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Ông Nguyễn Anh T và bà Chu Thị Ánh N không đồng ý kháng cáo của bị cáo, vì xe này là của ông bà mua và nhờ bị cáo đứng tên xe để bị cáo vay tiền Ngân hàng giúp cho ông, bà. Yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do bị cáo đã bán xe làm cho bị hại không khai thác xe được.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Anh T đề nghị xem xét Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Ngô Văn N[2], bà Bùi Thị Khánh L[1] với cụ Hoàng Thị D là giả cách, là vô hiệu nên Hợp đồng bán

xe giữa cụ D, cụ V[1] với bị cáo V cũng không có giá trị; Bị cáo V khai đã vay của bà Đ 01 tỷ đồng để mua xe, nhưng bà Đ không thừa nhận; Trong file ghi âm bị cáo V không chỉ một lần mà là nhiều lần xác định bị cáo đứng tên xe giùm; Các tin nhắn qua lại giữa bà Đ với bị cáo cũng thể hiện bị cáo đứng tên xe giùm; Bị cáo đứng tên xe để vay Ngân hàng MB giùm, nên bị cáo không có trả tiền vay Ngân hàng MB mà toàn bộ tiền vay Ngân hàng MB là do ông T trả hàng tháng; Hợp đồng mua bán xe giữa chủ cũ với cụ D là giả cách, nên hợp đồng mua bán xe giữa cụ D với bị cáo cũng là giả cách, là vô hiệu. Do đó, việc hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại là không cần thiết, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông Hồ Tấn A, bà Hà Thị L và người đại diện hợp pháp (ông Nguyễn Văn T[4]) đều đề nghị công nhận cho ông A và bà L là chủ sở hữu chiếc xe 49C-115.50, vì việc mua bán xe là ngay tình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, bà L đề nghị xem xét vụ án còn nhiều vấn đề chưa được điều tra làm rõ, nên thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bà Phạm Thị Đ trình bày bị cáo có vay tiền của bà nhiều lần, nhưng tổng cộng hết tất cả các lần bị cáo vay thì chỉ có 280.000.000 đồng, bà không có cho bị cáo vay 1.000.000.000 đồng như bị cáo trình bày. Số tiền 700.000.000 đồng mà bị cáo đưa cho bà chính là số tiền bị cáo đứng tên vay Ngân hàng MB giùm cho ông T, nên khi nhận được tiền vay của Ngân hàng thì bị cáo đã đưa cho bà toàn bộ số tiền này thì bà ghi trừ cho khoản nợ của ông T đã vay của bà để mua xe.

Cụ Hoàng Thị D trình bày vì xe không phải là của cụ, mà cụ chỉ đứng tên giùm, nên khi ông T, bà N kêu cụ ký tên bán xe lại cho bị cáo thì cụ ký tên vào hợp đồng mua bán xe và không quan tâm đến nội dung của hợp đồng. Cụ không có nhận tiền của bị cáo trả tiền mua xe và cũng không có làm biên nhận nhận tiền như bị cáo đã trình bày.

Ông Mai T[1] trình bày ông không có hướng dẫn bị cáo trình bày bị cáo đứng tên xe giùm như bị cáo trình bày; Qua buổi ông làm việc với ông T và bị cáo để giải quyết việc ông T chở gỗ vi phạm pháp luật thì theo nhận thức của ông, chiếc xe vi phạm là của ông T mượn tiền của bà Đ để mua, còn bị cáo V thì đứng tên sở hữu xe.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung việc định đoạt xe nhằm mục đích trả nợ Ngân hàng, khi xảy ra tranh chấp thuộc quan hệ dân sự, chưa đủ căn cứ để quy kết bị cáo phạm tội, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh V và đơn kháng cáo của ông Hồ Tấn A, bà Hà Thị L đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều là những người không có kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo yêu cầu xem xét bị cáo không có tội, bị cáo bị kết tội oan vì chiếc xe ô tô tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 49C-115.50 (số mới 49H-018.33) là của bị cáo đã mua của vợ chồng cụ Hoàng Thị D, Chu Thanh V[1] theo hợp đồng mua bán xe được công chứng ngày 12/6/2017, bị cáo đã trả đủ tiền mua xe cho cụ D 1.350.000.000 đồng nhưng bị cáo bị cáo đã xé bỏ giấy trả tiền sau khi công chứng hợp đồng mua bán; các biên lai nộp thuế, lệ phí đã bỏ thất lạc không tìm được nên không có để xuất trình. Bị cáo là người đứng tên trên tất cả các giấy tờ đăng ký, sở hữu xe, xe này thuộc quyền sở hữu của bị cáo nên bị cáo có quyền bán chiếc xe này cho bà Hà Thị L, do đó bị cáo không phạm tội.

Tuy nhiên, ngoài việc bị cáo đứng tên trong các giấy tờ đăng ký, sở hữu xe thì bị cáo không có chứng cứ chứng minh bị cáo đã mua xe và trả tiền mua xe cho cụ D; Mặt khác, trong các tin nhắn của bị cáo V nhắn cho bà Đ từ ngày 06/9/2018 đến ngày 09/01/2019 (các bút lục từ số 287 đến số 294) thể hiện nội dung do ông Nguyễn Anh T mượn tiền của bà Đ để mua xe và bị cáo V vay tiền Ngân hàng MB giùm cho ông T, nên khi ông T yêu cầu bị cáo công chứng sang tên xe lại cho ông T thì bị cáo kêu ông T phải xin ý kiến của bà Đ. Trong bản dịch file ghi âm (bút lục 328-334), tại thời điểm 07:07 khi người Nam2 (T) hỏi:*"Chị đứng tên xe giùm hay là xe của chị?"* thì V trả lời*: "Tôi đâu có nói xe của tôi đâu mà nhắn tin chửi tôi …"*; Tại thời điểm 09:33 đến 09:42, V nói: *"Tôi nói cho các anh, bây giờ anh vác hết tiền xuống trả ngân hàng, ngân hàng đâu có dám đưa cà vẹt cho anh không. Nói thẳng một câu là như vậy"*, khi người Nam2 (T) nói: *"Thì đúng rồi, cái đó là đứng tên của chị mà"* thì V trả lời*: "Tôi cũng chưa hề nói là cái xe đó là của tôi …"*; Tại thời điểm 15:01 đến 15:32 khi người Nam1 (ông Mai T[1]) nói:*"Hoặc hàng tháng là không trả một khoản tiền nào hết hả?"* thì V trả lời*: "Tôi có làm gì đâu mà trả. Chỉ đứng tên giùm thôi mà"*; Nam1 (Mai T[1]) nói:*"À"* thì V nói*: "Đứng tên tôi vay giùm thôi mà"*; Nam1 (Mai T[1]) nói:*"Tiền vay"* thì V nói*: "Thì đúng rồi, đứng tên đi vay ngân hàng giùm thôi"*; Nam2 (T) nói: *"Đúng rồi, chị đứng tên vay giùm"* thì V nói: *"Đứng tên vay giùm"*. Lời thừa nhận của bị

cáo V trong đoạn thoại trên phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định, phù hợp với lời thừa nhận của bị cáo trong các tin nhắn, dữ liệu điện tử, file ghi âm, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để xác định: Để có tiền thanh toán tiền mua xe nên ông T, bà N, ông N[1] đã nhờ bị cáo V đứng tên xe ô tô tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 49C-115.50 (số mới 49H-018.33) để bị cáo vay tiền Ngân hàng MB giùm, việc trả vốn, tiền lãi cho Ngân hàng MB do ông T trả hàng tháng. Sau khi đứng tên đăng ký, sở hữu xe và vay tiền Ngân hàng MB, lợi dụng việc chiếc xe là do bị cáo đứng tên sở hữu nên bị cáo đã bán xe (giá trị theo kết luận định giá là 1.281.250.000 đồng) cho người khác để chiếm đoạt số tiền bán xe. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh V phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của bị cáo, nên không nhất thiết phải Hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, của bị cáo và của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A, bà L.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo khai báo quanh co, không thành khẩn, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào, nên Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 14 năm tù là mức thấp của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo cũng khai báo vòng vo, không thành khẩn, không tỏ ra ăn năn hối cải, nên cũng không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Chiếc xe ô tô tải hiệu Hyundai biển kiểm soát 49C-115.50 (số mới 49H-018.33) là tài sản do bị cáo chiếm đoạt mà có, là vật chứng của vụ án, nên việc mua bán xe này đều là vô hiệu. Do đó, Bản án sơ thẩm đã quyết định trả xe lại cho người bị chiếm đoạt là ông T, bà N và ông N[1], đồng thời đã buộc bị cáo phải trả tiền lại cho ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L, là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tấn A, bà Hà Thị L.

[5] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh V và không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Ông Hồ Tấn A và bà Hà Thị L kháng cáo về phần xử lý vật chứng nên không thuộc trường hợp phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc dành cho các ông, bà: Lê Phước Trọng V[3], Nguyễn Thị Kim T[3], Ngô Đình Đ[1], Nguyễn Thị S, Lê Hà Hòa H, Hồ Tấn A, Hà Thị L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự đòi lại tài sản khi có yêu cầu; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh V và không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tấn A, bà Hà Thị L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 16/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

2.1. Áp dụng khoản 4 Điều 175; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh V phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh V 14** ***(Mười bốn)*** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/11/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

2.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các điều: 584, 586, 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Giao cho ông Nguyễn Anh T, bà Chu Thị Ánh N và ông Trịnh Văn N[1] được nhận và sở hữu chiếc xe tải biển số kiểm soát 49C-115.50 có số máy D6ACFJ289860, số khung KMFPA18CPGC089723, đã đổi biển kiểm soát mới 49H-018.33; Buộc ông Nguyễn Anh T, bà Chu Thị Ánh N, ông Trịnh Văn N[1] hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V số tiền là 470.890.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)*, nhưng phải nộp cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng để tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh V hoàn trả lại cho bà Hà Thị L và ông Nguyễn Tấn A số tiền 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm triệu đồng)*.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh V phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc dành cho các ông, bà: Lê Phước Trọng V[3], Nguyễn Thị Kim T[3], Ngô Đình Đ[1], Nguyễn Thị S, Lê Hà Hòa H, Hồ Tấn A, Hà Thị L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự đòi lại tài sản khi có yêu cầu; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng; (Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng tống đạt cho bị cáo);
- Người kháng cáo;
- Lưu: HS, VP, NTA (20b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công